

Số: **33 /2021/QĐST-DS**

Châu Thành, ngày 28 tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 38/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. *Nguyên đơn*: Ông Trương Văn D, sinh năm 1946;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.2. *Bị đơn*: Bà Lê Thị Yến T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.4 Anh Lê Thanh L, sinh năm 1992 (con bà T)

1.5 Chị Nguyễn Thị Tiểu P, sinh năm 1995 (con bà T)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.6 Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1954 (anh bà T)

Địa chỉ: Số ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.7 Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1966 (chị bà T)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.8 Bà Lê Thị Mai H, sinh năm 1969 (chị bà T)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.9 Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1970 (chồng bà T)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.10 Ông Trần Minh T, sinh năm 1977 (rể bà T)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Thuận

Đại diện theo ủy quyền của bà T, ông H, bà H, ông M, ông T có chị Nguyễn Thị Tiểu P, sinh năm 1995 - ngụ địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Lê Thị Yến T thừa nhận phần đất hiện bà cùng gia đình đang cất nhà ở có diện tích 98,5m², thuộc thửa số 638 -1, tờ số 19, nằm trong tổng diện tích 925,3 m² là đất của ông Trương Văn D đ ược cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 679724 ngày 07/12/2020.

- Nay theo sự thỏa thuận giữa hai bên ông Trương Văn D đồng ý cho bà Lê Thị Yến T cùng gia đình được tiếp tục ở và trọn quyền quản lý sử dụng phần đất nêu trên.

* Phần đất ông D cho bà T cùng gia đình ở có thực trạng như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất còn lại của ông D;
- Hướng Tây giáp Lộ 17
- Hướng Nam giáp nhà, đất của ông Lâm Tuấn V;
- Hướng Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị P.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

- Bà Lê Thị Yến T cùng gia đình bà phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trương Văn D số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Số tiền này bà T cùng gia đình trả cho ông D làm 02 lần cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khi quyết định có hiệu lực pháp luật bà T cùng gia đình hoàn trả cho ông D là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

- Lần thứ hai: Bà T cùng gia đình hoàn trả số tiền còn lại là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) trong 02 năm từ ngày 28/6/2021 đến 28/6/2023 là xong.

Bà Lê Thị Yến T cùng gia đình ở trên phần đất thuộc thửa 638 -1, tờ số 19, diện tích 98,5m² vào năm 1979, nên không bị điều chỉnh Quyết định số 41/2019/QĐ – UBND ngày 04/10/2019, sửa đổi Quyết định số 38/2018/QĐ – UBND ngày

04/9/2018 Quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3. Ông Trương Văn D có trách nhiệm nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 679724 ngày 07/12/2020 của ông D các cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại phần diện tích và tứ cận nêu trên sang cho bà Lê Thị Yến T cùng gia đình bà cho phù hợp. Đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Về chi phí thu thập chứng cứ là 1.603.000 đồng, ông Trương Văn D tự nguyện chịu ông đã nộp đủ và đã quyết toán xong).

4. Án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch 2,5%: là 4.000.000 đồng, ông Trương Văn D phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng ông D là người cao tuổi nên được miễn. Bà Lê Thị Yến T phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Đương sự;
- Xã Quới Sơn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Tuấn